

Số: 82 /GCN-SXD

Yên Bái, ngày 12 tháng 01 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Kiểm định xây dựng Yên Bái; Biên bản kiểm tra, đánh giá Phòng thí nghiệm tổng hợp và khảo sát địa chất - địa hình thuộc Trung tâm Kiểm định xây dựng Yên Bái ngày 11/01/2024 của Sở Xây dựng và các tài liệu có liên quan.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Trung tâm Kiểm định xây dựng Yên Bái.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 331/QĐ-UBND, ngày 24/7/2016. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Tổ 10, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 02163.850.676 Fax: 02163.850.676.

E-mail: [Trungtamkiemdinhyenbai@gmail.com](mailto:Trungtamkiemdinhyenbai@gmail.com).

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm tổng hợp và khảo sát địa chất - địa hình.



Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ 10, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD 63.002.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký././

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm Kiểm định xây dựng Yên Bái;
- Trang thông tin điện tử quản lý hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Bộ Xây dựng;
- Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng Yên Bái;
- Lưu: VT, P. QLN&CLCT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Yên Hiền**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CHỨNG THỰC... 3.12... QUYỀN SỐ: 01 SCT/BS**

**Ngày- 18 -01- 2024**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Lai Trung Kiên*

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 63.002**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm  
chuyên ngành xây dựng số: 82/GCN-SXD ngày 19 tháng 01 năm 2024  
của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái)



STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>I</b>	<b>CƠ LÝ CỦA XI MĂNG</b>	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106-2022
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108-2022
3	Xác định độ tách nước tách vữa	TCVN 3109-2022
4	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110-2022
5	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111-2022
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112-2022
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113-2022
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115-2022
9	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118-2022
10	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119-2022
11	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 2022
<b>III</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06
2	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
4	Xác định KLR; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
5	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
6	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
7	Xác định HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
8	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
9	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06

10	Xác định hệ số nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
11	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
12	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
13	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
14	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
15	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-91
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
1	Xác định khối lượng riêng (Tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo, chảy	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:06
8	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất CBR - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06
10	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D2850:95; TCVN 8868:11
<b>V</b>	<b>THÉP XÂY DỰNG</b>	
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
2	Thử uốn	TCVN 198:2008
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo	TCVN 5403:2010
4	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
5	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
6	Thử kéo bu lông - Đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606
7	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000
8	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
9	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
10	Thép thanh cột bê tông - Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6278:1997

<b>VI</b>	<b>GẠCH XÂY</b>	
1	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
<b>VII</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99
4	Xác định độ rỗng	TCVN 6476:99
<b>VIII</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG</b>	
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:16
3	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16
4	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:16
5	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:16
<b>IX</b>	<b>HIỆN TRƯỜNG</b>	
1	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011
2	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256
3	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
4	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006; AASHTO T191
5	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:1993
6	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; AASHTO T278
7	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bập nảy	TCVN 9335:2012
8	Kết cấu bê tông cốt thép - PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
9	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
10	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012

T  
 ỜNG  
 CHỦ  
 Ồ 1  
 \*

11	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:92
12	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
13	Cọc - PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
14	Thí nghiệm CBR - Ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:93
15	Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1154
<b>X</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8860-20:2011
<b>XI</b>	<b>NHỰA BITUM</b>	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3	Xác định nhiệt điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
5	Xác định lượng tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
6	Xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
7	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005

8	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
9	Xác định hàm lượng Parafin	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
<b>XII</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5	Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022
6	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
7	Xác định cường độ bán dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
8	Xác định độ hút nước của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
<b>XIII</b>	<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
1	Hình dáng bên ngoài	22TCN 58:1984
2	Thành phần hạt	22TCN 58:1984; TCVN 7572-2:06
3	Lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
4	Hàm lượng nước	22TCN 58:1984; TCVN 7572-7:06
5	Khối lượng riêng	22TCN 58:1984
6	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
7	Hệ số hao nước	22TCN 58:1984
8	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984
9	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
10	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
11	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
12	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
<b>XIV</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT</b>	
1	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11
3	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11

5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
7	Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
8	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8817-9:11
9	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:11
10	Nhận biết nhũ trong nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11
11	Nhận biết nhũ trong nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:11
12	Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
14	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11
<b>XV</b>	<b>NHỰA ĐƯỜNG LỎNG</b>	
1	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
2	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
3	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:2011
4	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011

**Ghi chú (\*):** Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

---